TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1521/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G - THÀNH PHỐ H

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1221/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số E Khu phố B, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố H.

- Ông Võ Quốc H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số E Khu phố B, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T ông Võ Quốc H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2015, Quyển số 01/2015, ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M (Nay là Ủy ban nhân dân xã M), tỉnh Q.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 19/11/2025 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/12/2025, bà Nguyễn Thị Thu T ông Võ Quốc H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2020; Ông Võ Quốc H là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Hoàng P, sinh ngày 08/11/2015 cho đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Quốc H không cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu T ông Võ Quốc H đã thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị Thu T ông Võ Quốc H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2015, Quyển số 01/2015, ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M (Nay là Ủy ban nhân dân xã M), tỉnh Q hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Hoàng Đ, sinh ngày 11/4/2020 và Võ Hoàng P, sinh ngày 08/11/2015. Giao trẻ Võ Hoàng Đ cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Võ Hoàng P cho ông Võ Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Quốc H mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0044109 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực G - TP.HCM;
- UBND xã M, tỉnh Q;
- Phòng THADS Khu vực G - TP.HCM;
- Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mộng Tuyền